

# MARKET LENS

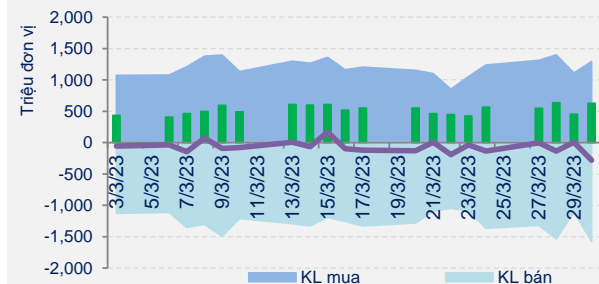
Phiên giao dịch ngày:

30/3/2023

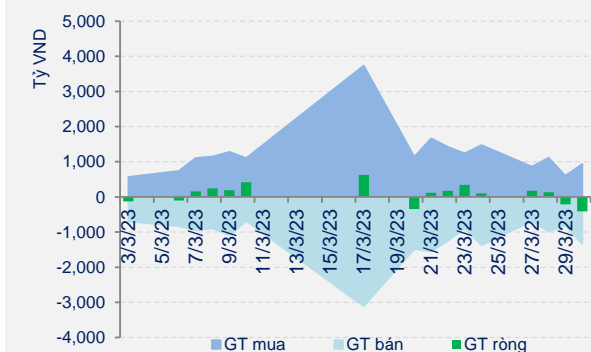
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,059.44	205.95
% Thay đổi	↑ 0.29%	↑ 0.18%
KLGD (CP)	624,742,477	72,305,523
GTGD (tỷ đồng)	11,038.33	1,031.09
Tổng cung (CP)	1,571,242,923	153,895,500
Tổng cầu (CP)	1,291,082,636	106,129,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	49,510,500	1,098,989
KL mua (CP)	30,673,100	175,803
GT mua (tỷ đồng)	936.76	4.35
GT bán (tỷ đồng)	1,344.84	12.39
GT ròng (tỷ đồng)	(408.08)	(8.04)

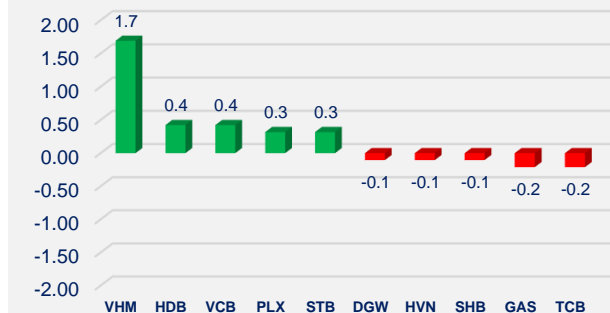
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tiếp xu hướng tăng điểm cuối phiên trước, VN-INDEX mở đầu phiên giao dịch tăng điểm tích cực lên vùng 1.065 điểm và sau đó chịu áp lực bán điều chỉnh trở lại vùng 1.060 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 3,11 điểm (+0,29%) lên 1.059,44 điểm tiệm cận vùng giá đỉnh ngày 15/03/2023 với thanh khoản tăng tốt. Độ rộng cải thiện tích cực trở lại với 190 mã tăng điểm (06 mã tăng trần), 176 mã giảm điểm (02 mã giảm sàn) và 77 mã tham chiếu. HNX-INDEX tăng 0,36 điểm (0,18%) lên mức 205,95 điểm với 75 mã tăng điểm (05 mã tăng trần), 79 mã giảm điểm (10 mã giảm sàn) và 68 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 12.069 tỷ đồng, gia tăng vượt mức trung bình khi dòng tiền ngắn hạn có tín hiệu luân chuyển trong thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng phiên thứ 2 liên tiếp trên HOSE với giá trị bán ròng gia tăng khá mạnh 408,08 tỷ đồng. Trong đó bán ròng đột biến đối với cổ phiếu STB và VPB, SSI. Bán ròng HNX với giá trị 8,04 tỷ đồng.

Thị trường vẫn có diễn biến phân hóa trái chiều trong từng nhóm ngành với dòng tiền có tín hiệu luân chuyển, gia tăng vào các mã chưa tăng nhiều thể hiện điển hình như trong nhóm chứng khoán, dịch vụ tài chính như VCI (-2,13%), CTS (-1,25%), VND (-0,97%)... BVS (+5,65%), BSI (+3,59%), AGR (+2,42%), MBS (+1,37%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng mặc dù chịu áp lực bán ròng đột biến của khối ngoại nhưng vẫn có diễn biến khá tích cực với thanh khoản đột biến như HDB (+3,31%), STB (+2,56%), MSB (+2,46%), VIB (+0,47%).. ngoài một số mã chịu áp lực điều chỉnh như SHB (-1,85%), TCB (-1,07%), MBB (-0,27%)...

Nhóm bất động sản, bất động sản thương mại phân hóa tích cực như VRE (+2,2%) nhờ thông tin thảo luận bán vốn cổ phần, ITC (+6,99%), VHM (+3,23%), NVL (+1,99%)... ngoài ra nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh như IJC (-1,92%), DIG (-1,90%), NLG (-1,33%)..

Nhóm cổ phiếu bán lẻ phân hóa tiêu cực với nhiều mã tiếp tục chịu áp lực bán mạnh với khối lượng đột biến mạnh như DGW (-7,00%), FRT (-2,53%), PET (-2,42%), MWG (-0,26%)...

Các nhóm ngành khác đa phần phân hóa trong bối cảnh chờ các thông tin về tình hình kết quả kinh doanh quý I/2023 cũng như thị trường chung đang đến thời điểm kết thúc, chốt NAV Quý I/2023.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 kết phiên tăng tốt 8,5 điểm (0,80%), tiếp tục thu hẹp mức chênh lệch xuống -2,75 điểm so với VN30. Các kỳ hạn dài hơn VN30F2305, VN30F2306, VN30F2309 thu hẹp mức chênh lệch xuống còn -5,24 điểm đến - 8,24 điểm cho thấy các trader đang có kỳ vọng tốt hơn về khả năng đảo chiều tích cực của VN30 trong tương lai.



# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/3/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Đà hồi phục của thị trường tiếp tục được duy trì khi chốt phiên VnIndex tăng 3,11 điểm với khối lượng giao dịch được duy trì ở mức cao, tuy nhiên hôm nay thị trường yếu dần về cuối phiên cho thấy lực cung đang tăng dần lên theo xu hướng tăng của thị trường. Do sự biến động của VnIndex không lớn nên trạng thái kỹ thuật của chỉ số này vẫn không có nhiều thay đổi, VnIndex vận động trên đường MA20 và tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong kênh uptrend ngắn hạn. Khả năng VnIndex có thể duy trì vận động trong kênh tăng ngắn hạn để hướng tới vùng mục tiêu 1.150 điểm vẫn được duy trì.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã hồi phục 8 phiên liên tiếp với biên độ tăng mỗi phiên liên tục duy trì ở mức thấp, tuy nhiên chuỗi tăng điểm dài ngày giúp VnIndex đang trở lại vận động trong kênh tăng ngắn hạn khá tin cậy. Hôm nay VnIndex chốt phiên tiếp tục tăng nhẹ 3,11 điểm (+ 0,29%) và đóng cửa ở 1.059,44 điểm với khối lượng tăng trở lại khá mạnh, tuy nhiên việc VnIndex giảm dần về cuối phiên cho thấy động lực tăng của thị trường đã giảm đi. Với góc nhìn ngắn hạn, VnIndex đã trở lại kênh hồi phục ngắn hạn khá tin cậy, xác suất VnIndex duy trì xu hướng tăng ngắn hạn để hướng tới khu vực 1.150 hoặc cao hơn tăng lên.

Dưới góc nhìn trung - dài hạn có thể thấy trạng thái vận động của VnIndex trong hơn 1 tháng vừa qua là khá chặt chẽ khi biên độ dao động không lớn, khối lượng giao dịch cũng đang theo xu hướng giảm. Những tín hiệu đó cho thấy về trung hạn VnIndex đang có xu hướng tích lũy cạn kiệt (dạng tích lũy tin cậy nhưng kéo dài trong biên độ và khối lượng thấp) với các chu kỳ tăng, giảm theo biên độ hẹp dần. Nếu chỉ phân tích thuần kỹ thuật, có thể cho rằng VnIndex đang dần đi vào khu vực tích lũy nên sóng hồi ngắn hạn sẽ không thể tăng quá mạnh, xu hướng hồi phục có thể tiếp tục diễn ra nhưng không có nhiều kỳ vọng vượt qua mức 1.150 điểm. Về cơ bản mặt bằng giá cổ phiếu hiện tại đang tương đối hấp dẫn sau thời gian dài thị trường rơi vào downtrend. Về vĩ mô có thể thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn khó đoán định (xu hướng lãi suất trong nước giảm nhưng rủi ro từ thị trường trái phiếu vẫn cao, kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn vì lạm phát và nhiều nguy cơ suy thoái...). Do đó, chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn này vẫn có thể giải ngân đón đầu sóng hồi nhưng không nên đặt quá nhiều kỳ vọng, thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/3/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
LPB	15.35	13-14	17.5-18.5	12	5.4		57.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	24.10	23-24.5	30-31	19	3.0	61.3%	134.5%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	30.35	27-30	34-35	23	5.7	40.1%	423.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	51.30	46-49	66-67	43	3.4	51.2%	133.1%	Theo dõi chờ giải ngân
STB	26.00	23-24.5	29-30	22	9.7		47.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	25.30	24-25	29-30	22	15.7	15.6%	28.5%	Theo dõi chờ giải ngân
DBC	13.90	13-14.2	21-22	11.5	22.4	13.5%	-81.9%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	14.70	13.5-15	19-20	12	15.4	-3.3%	-8.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DPG	27.75	26-27.5	35-36	23	4.4	30.4%	15.0%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	33.90	33-34.5	44-46	30	3.0	63.9%	84.5%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	18.70	17-18	24-26	15	9.4	-24.9%	-49.3%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	32.10	28-30	36-37	27	16.1	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thẻ	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/2/2023	BCM	82.30	84.00	110	81	-2.02%	Nắm giữ
16/2/2023	POW	13.20	12.10	16-16.5	12.5	9.09%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	28.20	26.90	33-35	26	4.83%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	27.40	27.40	34-36	26	0.00%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	39.90	39.90	47-49	36.5	0.00%	Nắm giữ



## TIN VÍ MÔ

**Top 10 quốc gia có GDP(PPP) lớn nhất châu Á năm 2022: Việt Nam xếp thứ mấy?**

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2022, Trung Quốc là nền kinh tế có GDP theo sức mua tương đương (PPP) lớn nhất ở châu Á. Trong đó Việt Nam xếp thứ 10 trong top 10 quốc gia có quy mô GDP (PPP) lớn nhất Châu Á năm 2022.

**5 thành phố trực thuộc TW tăng trưởng GRDP quý I ra sao?**

Trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, Hải Phòng là địa phương có tốc độ tăng GRDP quý I năm 2023 cao nhất, đạt 9,65% và đứng vị trí thứ 3 trong 63 địa phương (sau Hậu Giang và Bình Thuận).

**Tổng cục Thống kê lý giải nguyên nhân hơn 60.000 doanh nghiệp rút khỏi thị trường**

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, lần đầu tiên trong giai đoạn Quý I từ trước đến nay, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (60.241 doanh nghiệp) cao hơn số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường (56.946 doanh nghiệp).

**Cần Thơ bố trí gần 1.500 tỷ đồng cho 4 dự án trọng điểm**

UBND TP Cần Thơ vừa có quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công 2023 các nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2), với tổng số vốn được giao hơn 1.481 tỷ đồng cho 4 dự án.

**Nhu cầu nội địa và đầu tư công - Hai “trụ cột” nâng đỡ tăng trưởng năm 2023**

Tiêu dùng nội địa, du lịch và đầu tư công được xác định là hai trụ cột nâng đỡ tăng trưởng năm nay. Đây cũng là hai điểm sáng trong quý I vừa qua.

**Siêu tàu' container cập cảng Cái Mép - Thị Vải**

Ngày 30/3, tại cụm cảng Cái Mép - Thị Vải (thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), cảng quốc tế Gemalink tổ chức lễ chào đón “siêu tàu” container M/V OOCL Spain với sức chở 24.188 TEU của hãng tàu OOCL.

**Đà Nẵng: Kinh tế quý 1/2023 tăng 7,12% so với cùng kỳ năm ngoái**

Kinh tế quý 1/2023 của Đà Nẵng tăng trưởng khá là nhờ đà phục hồi mạnh mẽ của hoạt động du lịch kéo theo các lĩnh vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, khách sạn nhà hàng cùng tăng trưởng...

**Tập đoàn điện lực Việt Nam đối diện mức lỗ kỷ lục**

Theo số liệu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do chi phí đầu vào liên tục tăng cao trong cả năm 2022, tỷ giá biến động mạnh và hơn 4 năm liên tiếp không được điều chỉnh giá bán lẻ điện, hiện mỗi kWh điện bán ra, tập đoàn bị lỗ 197 đồng, tương ứng mức lỗ 10,57%.



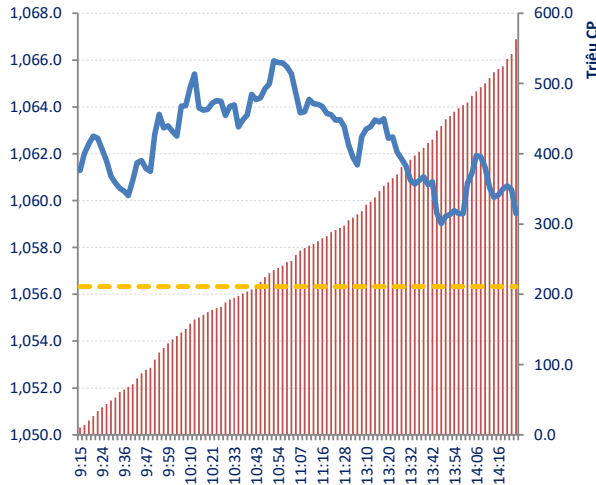
## TIN CHỨNG KHOÁN

<b>Ông Trần Đình Long: Hòa Phát đang tập trung toàn lực cho quả đấm thép 3 tỷ đô, không chia cổ tức, tạm dừng mọi hoạt động đầu tư mới</b>	"Từ nay trở đi, Hòa Phát sẽ chuyển rất mạnh sang sản xuất thép chất lượng cao, nhường sân chơi thép cơ bản" - Ông Long nói.
<b>Techcombank: Mục tiêu lãi trước thuế 22,000 tỷ năm 2023, tiếp tục không chia cổ tức</b>	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank, HOSE: TCB) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ với kế hoạch kinh doanh 2023, không chia cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP...
<b>ĐHĐCĐ VCI: Khả năng thực hiện kế hoạch 2023 rất mong manh</b>	Chiều ngày 30/03, CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC, HOSE: VCI) tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023 để trình cổ đông thông qua nhiều nội dung quan trọng của năm.
<b>Đạm Phú Mỹ công bố kế hoạch 5 năm: Mục tiêu lãi sau thuế giai đoạn 2021-2025 gần 11 ngàn tỷ đồng</b>	Theo nghị quyết ngày 27/03, HĐQT Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo hay Đạm Phú Mỹ, HOSE: DPM) đã phê duyệt và ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm từ 2021-2025.
<b>GELEX đặt mục tiêu lãi gần 1,300 tỷ đồng năm 2023</b>	Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ vừa công bố, Công ty CP Tập đoàn GELEX (mã GEX) đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước tính 1,272 tỷ đồng, bằng 61% so với thực hiện năm 2022.
<b>NLG ước doanh số 2023 đạt 10 ngàn tỷ đồng</b>	Tại buổi Webinar với chủ đề Ngành bất động sản: Giám đốc đầu tư CTCP Đầu tư Nam Long (HOSE: NLG) đã hé lộ về tình hình kinh doanh cũng như kế hoạch của NLG trong năm 2023.
<b>SSI đặt kế hoạch lợi nhuận 2023 tăng hơn 20% nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh kỳ lục gần 25%</b>	HĐQT CTCP Chứng khoán SSI (HOSE: SSI) đã thống nhất kế hoạch trình ĐHĐCĐ thường niên 2023, với mục tiêu doanh thu hợp nhất 6,917 tỷ đồng và lãi trước thuế 2,540 tỷ đồng.

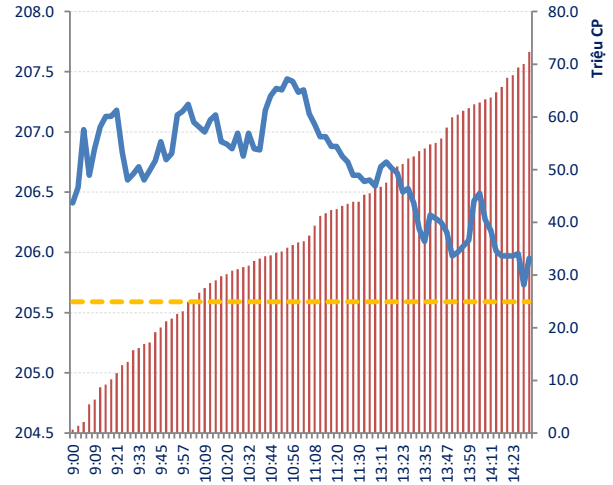


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

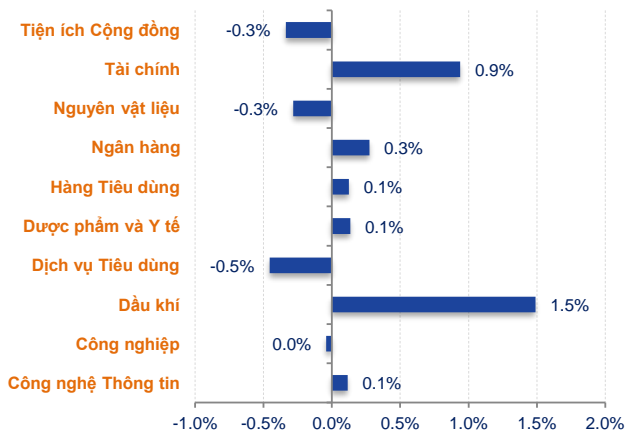
#### KLGD và VN-Index trong phiên



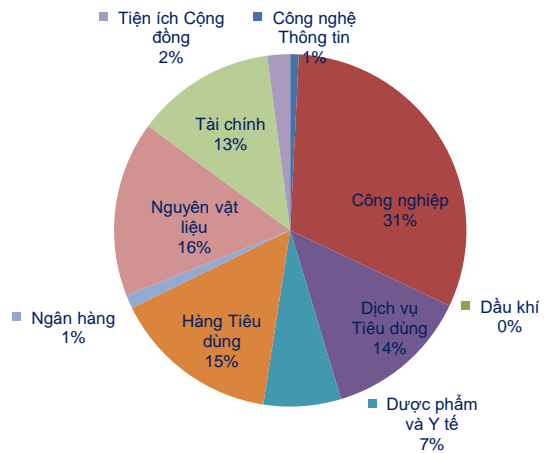
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



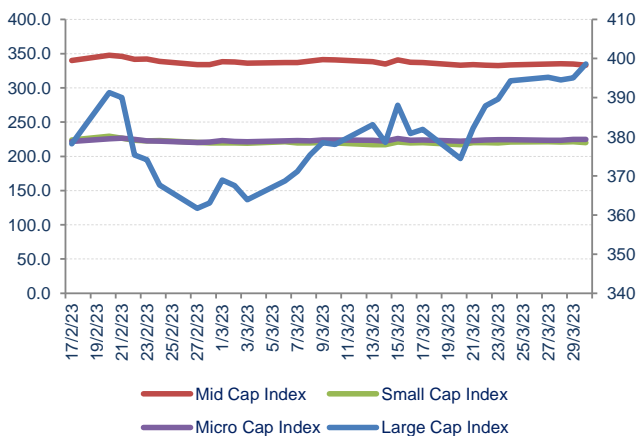
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



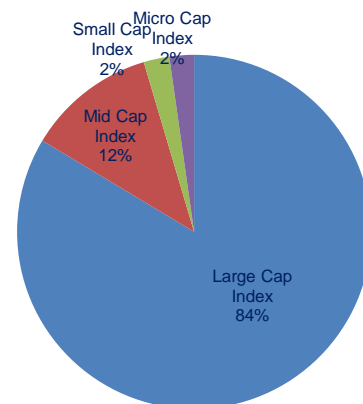
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	3,638,500	STB	11,098,100	1	BVS	53,500	SHS	786,000
2	DXG	2,514,800	VND	3,751,900	2	IDC	51,700	MBS	130,697
3	VHM	755,500	SSI	3,609,300	3	HJS	5,100	NVB	75,700
4	HSG	736,200	VPB	3,138,300	4	TNG	4,200	CEO	19,100
5	MIG	699,100	DGW	2,340,700	5	PVI	3,300	CIA	10,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.80	10.60	↓ -1.85%	68,883,521	SHS	8.90	9.00	↑ 1.12%	23,471,417
STB	25.35	26.00	↑ 2.56%	39,666,200	CEO	21.70	21.70	→ 0.00%	7,607,650
NKG	16.40	15.70	↓ -4.27%	26,105,700	MBS	14.60	14.80	↑ 1.37%	4,900,278
SSI	21.05	20.95	↓ -0.48%	23,393,000	HUT	15.50	15.80	↑ 1.94%	4,480,158
VND	15.40	15.25	↓ -0.97%	23,377,300	PVS	25.30	25.30	→ 0.00%	3,213,691

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ITC	7.73	8.27	0.54	↑ 6.99%	QHD	33.40	36.70	3.30	↑ 9.88%
COM	26.80	28.65	1.85	↑ 6.90%	L40	23.40	25.70	2.30	↑ 9.83%
CTD	41.25	44.10	2.85	↑ 6.91%	SAF	59.80	65.60	5.80	↑ 9.70%
SFC	15.95	17.05	1.10	↑ 6.90%	PVL	2.10	2.30	0.20	↑ 9.52%
ABR	8.80	9.40	0.60	↑ 6.82%	KHS	16.60	18.10	1.50	↑ 9.04%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DGW	31.45	29.25	-2.20	↓ -7.00%	PCE	25.00	22.50	-2.50	↓ -10.00%
HU3	5.53	5.15	-0.38	↓ -6.87%	SGC	79.10	71.20	-7.90	↓ -9.99%
PNC	10.05	9.36	-0.69	↓ -6.87%	HJS	45.50	41.00	-4.50	↓ -9.89%
SVC	39.95	37.25	-2.70	↓ -6.76%	NBW	27.70	25.00	-2.70	↓ -9.75%
HOT	20.95	19.55	-1.40	↓ -6.68%	SGD	21.90	19.80	-2.10	↓ -9.59%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	68,883,521	19.7%	2,520	4.3	0.8
STB	39,666,200	13.8%	2,674	9.5	1.2
NKG	26,105,700	-1.2%	(253)	-	0.8
SSI	23,393,000	9.3%	1,367	15.4	1.4
VND	23,377,300	10.0%	1,095	14.1	1.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	23,471,417	2.1%	224	39.7	0.8
CEO	7,607,650	7.7%	1,081	20.1	1.5
MBS	4,900,278	13.0%	1,531	9.5	1.2
HUT	4,480,158	3.8%	415	37.4	1.4
PVS	3,213,691	6.9%	1,849	13.7	0.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ITC	↑ 7.0%	6.3%	1,390	5.6	0.3
COM	↑ 6.9%	0.3%	91	296.1	0.9
CTD	↑ 6.9%	0.3%	280	147.1	0.4
SFC	↑ 6.9%	10.6%	1,556	10.2	1.1
ABR	↑ 6.8%	10.9%	1,470	6.0	0.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QHD	↑ 9.9%	18.5%	3,312	10.1	1.8
L40	↑ 9.8%	0.3%	49	481.9	1.3
SAF	↑ 9.7%	30.4%	4,292	13.9	4.1
PVL	↑ 9.5%	0.0%	1	1,795.0	0.4
KHS	↑ 9.0%	15.8%	3,149	5.3	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	3,638,500	9.1%	1,459	14.3	1.3
DXG	2,514,800	1.1%	245	50.5	0.5
VHM	755,500	20.6%	6,621	7.2	1.4
HSG	736,200	-10.0%	(1,793)	-	1.0
MIG	699,100	0.0%	-	-	1.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BVS	53,500	6.6%	1,988	8.9	0.6
IDC	51,700	40.1%	7,001	5.7	2.0
HJS	5,100	17.7%	2,723	16.7	2.9
TNG	4,200	18.0%	2,873	6.0	1.0
PVI	3,300	0.5%	168	292.5	1.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	436,811	24.2%	6,316	14.6	3.2
BID	233,704	19.1%	3,597	12.8	2.2
VHM	209,010	20.6%	6,621	7.2	1.4
VIC	204,046	5.7%	2,159	24.8	1.5
GAS	196,754	26.1%	7,732	13.3	3.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,720	4.2%	697	56.2	2.3
IDC	13,068	40.1%	7,001	5.7	2.0
PVS	12,093	6.9%	1,849	13.7	0.9
KSF	12,000	5.7%	1,243	32.2	1.8
PVI	11,478	0.5%	168	292.5	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ANV	3.11	25.8%	5,300	5.9	1.4
TCD	3.06	12.3%	1,397	4.2	0.4
FTS	3.04	10.1%	1,725	14.2	1.4
DXG	3.01	1.1%	245	50.5	0.5
LDG	2.96	0.1%	16	274.9	0.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

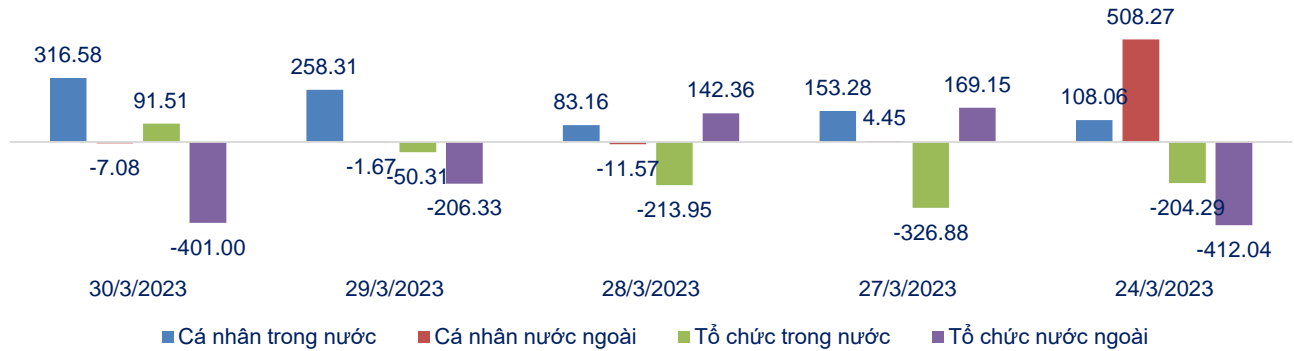
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	3.96	3.3%	615	72.2	3.4
APS	3.49	-37.7%	(5,393)	-	0.8
CEO	3.49	7.7%	1,081	20.1	1.5
IDJ	3.32	9.8%	866	9.7	0.8
CSC	3.18	43.3%	10,349	3.1	1.0





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	271.52	13.8%	2,674	9.5	1.2
DGW	78.26	32.5%	4,186	7.5	2.1
SSI	76.70	9.3%	1,367	15.4	1.4
VND	53.16	10.0%	1,095	14.1	1.3
VIB	48.23	29.7%	4,026	5.3	1.4

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-92.87	9.1%	1,459	14.3	1.3
DXG	-43.07	1.1%	245	50.5	0.5
VHM	-42.80	20.6%	6,621	7.2	1.4
VNM	-34.10	24.8%	4,077	18.4	4.8
VCB	-21.80	24.2%	6,316	14.6	3.2

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	3.38	9.3%	1,367	15.4	1.4
NKG	0.99	-1.2%	(253)	-	0.8
LCG	0.95	7.8%	1,013	12.8	1.0
VPB	0.77	19.1%	2,714	7.7	1.4
NVL	0.65	5.3%	1,164	10.8	0.5

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-4.46	13.8%	2,674	9.5	1.2
HDB	-2.44	22.2%	3,081	5.9	1.2
VRE	-1.54	8.7%	1,222	23.9	2.0
HHV	-1.38	3.4%	998	13.6	0.5
ORS	-1.24	6.7%	749	12.8	0.8

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	47.67	19.1%	2,714	7.7	1.4
TCB	19.16	19.5%	5,736	4.9	0.9
HPG	16.64	9.1%	1,459	14.3	1.3
MBB	16.49	24.6%	3,856	4.7	1.0
STB	12.36	13.8%	2,674	9.5	1.2

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	-48.23	29.7%	4,026	5.3	1.4
MWG	-16.60	18.5%	2,809	13.8	2.4
NKG	-16.15	-1.2%	(253)	-	0.8
SBT	-14.47	7.5%	1,064	13.5	1.0
PVT	-12.69	11.4%	2,649	7.8	0.8

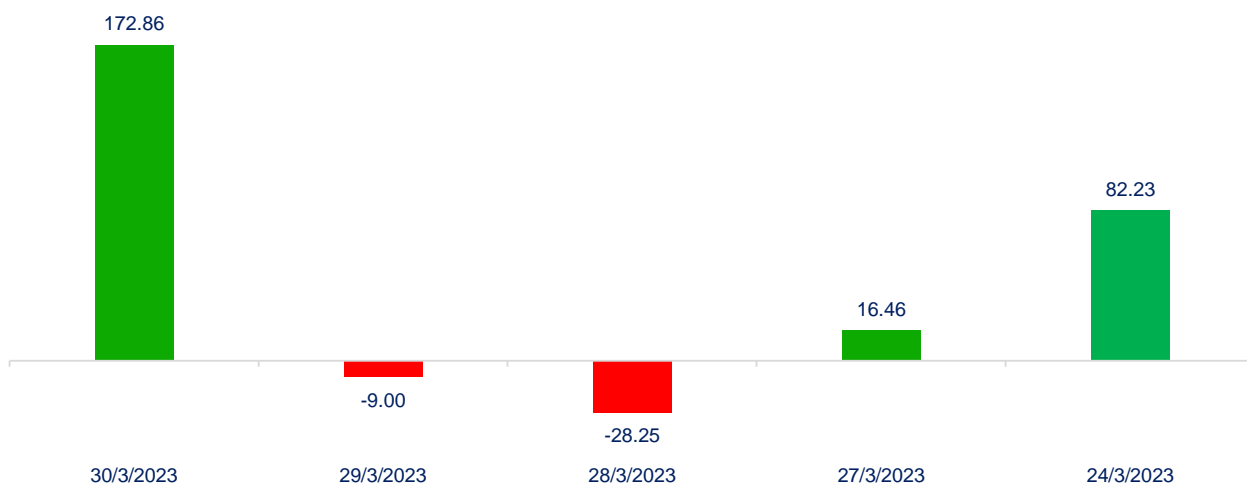
## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	75.86	9.1%	1,459	14.3	1.3
VHM	37.43	20.6%	6,621	7.2	1.4
DXG	31.55	1.1%	245	50.5	0.5
VNM	25.33	24.8%	4,077	18.4	4.8
PLX	15.98	5.3%	1,165	30.9	1.6

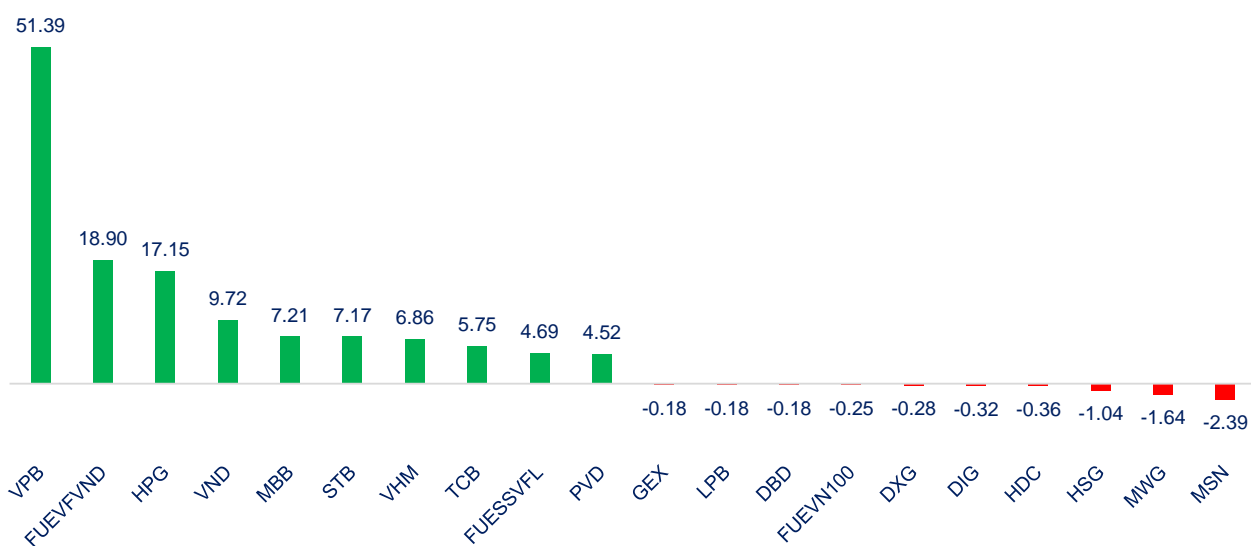
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-279.43	13.8%	2,674	9.5	1.2
SSI	-80.54	9.3%	1,367	15.4	1.4
DGW	-70.58	32.5%	4,186	7.5	2.1
VPB	-66.08	19.1%	2,714	7.7	1.4
VND	-58.12	10.0%	1,095	14.1	1.3

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)